TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17-8-2017
Về việc tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Tài

2. Ông Phạm Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà Vi-Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2017 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 20/2017/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Tuyết N**,** sinh năm 1992
Địa chỉ: thôn 6, xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Phạm Thế B**,** sinh năm 1989
Địa chỉ: thôn 4, xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

(Bà N có mặt, ông B vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Thế B quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng gần 01 năm thì quyết định đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/11/2016 tại UBND xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục, được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng sống chung được khoảng 01 tháng 20 ngày thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn do ông B tụ tập ăn chơi, hút Bồ Đà, không chịu làm ăn, nhiều lần bà có khuyên ông B nhưng ông B không những không nghe mà ngày càng hút Bồ Đà nhiều hơn, đêm không cho bà ngủ, khi ngủ ông B nói lung tung làm bà sợ, có lần ông B doạ sẽ giết bà làm cho bà rất sợ nên bà đã xin phép bố mẹ chồng về nhà bố mẹ ruột của bà để sinh sống từ khoảng cuối tháng 02/2017 đến nay và cũng từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, phần ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nữa nên bà xin được ly hôn với ông Phạm Thế B.

- Về con chung: Bà N trình bày vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Ông Phạm Thế B đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai nào.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 26/5/2017 nhưng không được.

Sau đó bà N có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà N và ông B được ly hôn; Về con chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: buộc bà N chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

<u>*Về tố tụng*</u>: Bị đơn ông Phạm Thế B đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

<u>*Về nội dung vụ án*</u>:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Phạm Thế B quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng gần 01 năm thì quyết định đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/11/2016 tại UBND xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, có tổ chức đám cưới theo phong tục, được hai bên gia đình đồng ý là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện được pháp luật bảo vệ. Theo bà N trình bày vợ chồng sống chung được khoảng

01 tháng 20 ngày thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông B tụ tập ăn chơi, hút Bồ Đà, không chịu làm ăn, nhiều lần bà có khuyên nhưng ông B không những không nghe mà ngày càng hút Bồ Đà nhiều hơn, đêm không cho bà ngủ, ông B ngủ nói lung tung làm bà sợ, có lần ông B doạ sẽ giết bà làm cho bà rất sợ nên bà đã xin phép bố mẹ chồng về nhà bố mẹ ruột của mình để sinh sống từ khoảng cuối tháng 02/2017 đến nay và cũng từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, phần ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh, bà Phạm Thị Mỹ H là mẹ ruột của ông B cho biết: trong thời gian vợ chồng bà N và ông B ở chung với gia đình bà được 01 tháng không có mâu thẫn gì lớn, sau đó bà N có xin phép gia đình bà để về nhà bố mẹ của ruột ở thôn 6, **xã LQ** sinh sống để tiện cho việc đi làm, sau 01 tuần thì bà N làm đơn xin ly hôn với ông B.

Xét thấy từ tháng 02/2017 đến nay giữa bà N và ông B đã sống ly thân nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắng để đoàn tụ. Chứng tỏ trong thời gian chung sống bà N và ông B sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, cả hai bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập ông B nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B cố tình vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ ông B không muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, áp dụng Điều 5, Điều Điều 51, Điều 56, Điều 65 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử cho bà N được ly hôn với ông B là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, bà N đều trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, bà N đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Do bà N yêu cầu giải quyết ly hôn với ông B nên buộc bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 5, Điều 51, Điều 56, Điều 65 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N về việc *"Ly hôn"*. Xử cho bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Phạm Thế B được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2015/0004609 ngày 06/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã LQ
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Văn Biên